

Số: *40*/2020/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày *09* tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ
sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVI KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 ngày 5 tháng 2018 của
Chính phủ về khuyến nông;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của
Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất
và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;*

*Căn cứ Thông báo Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 40-TB/TU
ngày 03 tháng 12 năm 2020 về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ
sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 256/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm
nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm
tra số 39/BC-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách
Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh
tại Kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm
nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2021-2025 như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 

a) Phạm vi điều chỉnh

Quy định một số chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản); áp dụng đối với các ngành hàng, sản phẩm thuộc Danh mục ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2021-2025.

b) Đối tượng áp dụng

- Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân).

- Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân).

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã).

- Doanh nghiệp.

- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Hình thức liên kết: Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

3. Các ngành hàng, sản phẩm ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ thuộc Danh mục ngành hàng, sản phẩm quan trọng của tỉnh cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ: Theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

5. Nội dung chính sách và mức hỗ trợ

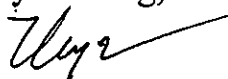
a) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết

Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết, tối đa không quá 200 triệu đồng, bao gồm: Tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, phát triển thị trường.

b) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết

Dự án liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: Nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Tổng mức hỗ trợ không quá 05 tỷ đồng/01 dự án liên kết.

c) Hỗ trợ khuyến nông, đào tạo, tập huấn và giống vật tư, bao bì, tem, nhãn mác sản phẩm



- Xây dựng mô hình khuyến nông: Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định của các chương trình, dự án khuyến nông hiện hành.

- Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật: Hỗ trợ 100% kinh phí cho các bên tham gia liên kết tổ chức mở lớp tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường. Mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/01 dự án liên kết.

- Hỗ trợ đào tạo nghề: Hỗ trợ 100% kinh phí cho các bên tham gia liên kết tổ chức đào tạo nghề thường xuyên dưới 03 tháng và cấp chứng chỉ học nghề. Mức hỗ trợ không quá 02 triệu đồng/người/khóa đào tạo; không quá 140 triệu đồng/01 dự án liên kết.

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, tem truy xuất nguồn gốc, nhãn mác sản phẩm cho các tổ chức, cá nhân, nông dân tham gia dự án liên kết tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã. Mức hỗ trợ không quá 01 tỷ đồng/01 dự án liên kết, cụ thể:

+ Liên kết trong trồng trọt: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong 02 vụ cho các ngành hàng, sản phẩm có chu kỳ sản xuất dưới 01 năm. Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua giống năm đầu; hỗ trợ tối đa 50% phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong 03 năm cho ngành hàng sản phẩm có chu kỳ sản xuất trên 01 năm.

+ Liên kết trong chăn nuôi: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua giống; tối đa 50% chi phí mua thuốc sát trùng, vắc xin phòng bệnh gia súc, gia cầm trong 02 chu kỳ sản xuất.

+ Liên kết trong thủy sản: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua giống và tối đa 50% chi phí mua chế phẩm sinh học thủy sản, thời gian hỗ trợ 01 chu kỳ sản xuất.

+ Hỗ trợ 100% chi phí bao bì, tem truy xuất nguồn gốc, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 02 vụ hoặc 02 chu kỳ sản xuất.

- Hỗ trợ tối đa 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi cho các bên tham gia liên kết; mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng/01 dự án liên kết.

- Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận VietGAP, VietGAHP, cấp mã số vùng trồng cho sản xuất trồng trọt, mã số vùng nuôi cho sản xuất thủy sản, chứng nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, chứng nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng; mức hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/01 dự án liên kết. Xây dựng nhãn hiệu sản phẩm, chỉ dẫn địa lý; mức hỗ trợ tối đa 200 triệu/01 dự án liên kết.

6. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Nguồn vốn Trung ương: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng

chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; chương trình, dự án về khuyến nông và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

b) Nguồn vốn từ ngân sách tỉnh: Chủ động bố trí kinh phí hằng năm để thực hiện Nghị quyết này; cân đối, bổ sung ngân sách của tỉnh và lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khóa XVI Kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản Quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VTVP.



Nguyễn Tiến Thành